

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44/2008/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT

**Về việc ban hành lệ phí đăng ký hộ tịch
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chấn chỉnh việc thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí, chính sách huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 1822/TTr-UBND ngày 30/6/2008 về việc ban hành lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, như sau:

1. Đối tượng nộp lệ phí: Những người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch.

2. Các việc hộ tịch được miễn nộp lệ phí

a) Miễn toàn bộ lệ phí đăng ký khai sinh, bao gồm đăng ký khai đúng hạn, đăng ký lại việc sinh, đăng ký khai sinh quá hạn;

b) Miễn toàn bộ lệ phí đăng ký kết hôn, bao gồm đăng ký kết hôn, đăng ký lại việc kết hôn;

c) Miễn toàn bộ lệ phí đăng ký khai tử, bao gồm đăng ký khai tử đúng hạn, đăng ký khai tử quá hạn, đăng ký lại việc khai tử;

d) Miễn lệ phí đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi, bổ sung, điều chỉnh hộ tịch;

đ) Đăng ký kết hôn, đăng ký nuôi con nuôi cho người dân thuộc các dân tộc ở vùng sâu, vùng xa.

3. Đối với việc đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài theo Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài; Nghị định số 69/2006/NĐ-CP ngày 21/7/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài và các hoạt động đăng ký nuôi con nuôi, nhận cha, mẹ, con, cấp bản sao các giấy tờ về hộ tịch, xác nhận hoặc thực hiện các việc đăng ký hộ tịch khác vẫn thực hiện thu lệ phí theo quy định hiện hành.

4. Cơ quan thu lệ phí

- a) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;
- b) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Quảng Ngãi;
- c) Sở Tư pháp.

5. Mức thu lệ phí

a) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Quảng Ngãi theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

c) Sở Tư pháp theo quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị quyết này.

Mức thu lệ phí nêu trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí mua sổ đăng ký hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch và các hồ sơ liên quan đến công tác quản lý hộ tịch.

6. Quản lý và sử dụng lệ phí

a) Số tiền thu lệ phí để lại cho cơ quan thu lệ phí:

- UBND xã, phường, thị trấn được để lại 70% tổng số tiền lệ phí thu được để thực hiện công việc thu lệ phí, số tiền lệ phí còn lại (30%) nộp vào ngân sách Nhà nước.

- UBND các huyện, thành phố Quảng Ngãi được để lại 70% tổng số tiền lệ phí thu được để thực hiện công việc thu lệ phí, số tiền lệ phí còn lại (30%) nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Sở Tư pháp được để lại 50% tổng số tiền lệ phí thu được để thực hiện công việc thu lệ phí, số tiền lệ phí còn lại (50%) nộp vào ngân sách Nhà nước.

Số tiền lệ phí được để lại trong năm, sau khi quyết toán đúng chế độ, nếu sử dụng không hết được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

b) Cơ quan thu lệ phí phải thực hiện việc thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký hộ tịch theo đúng quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành của Nhà nước về phí, lệ phí.

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 11/7/2008./.

CHỦ TỊCH

Phạm Minh Toản

PHỤ LỤC I**MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH ÁP DỤNG
TẠI UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

*(Kèm theo Nghị quyết số 44/2008/NQ-HĐND ngày 11/7/2008
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Nội dung thu lệ phí	Mức thu (đồng) cho mỗi trường hợp
01	Nuôi con nuôi	
	- Đăng ký việc nuôi con nuôi	10.000
	- Đăng ký lại việc nuôi con nuôi	20.000
02	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	10.000
03	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	2.000/01 bản sao
04	Xác nhận các giấy tờ hộ tịch	3.000
05	Ghi vào sổ các thay đổi hộ tịch khác; gồm: xác định cha, mẹ, con; thay đổi quốc tịch; ly hôn; huỷ việc kết hôn trái pháp luật; chấm dứt nuôi con nuôi và những sự kiện hộ tịch khác do pháp luật quy định.	4.000

PHỤ LỤC II**MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH ÁP DỤNG
TẠI UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI**
*(Kèm theo Nghị quyết số 44/2008/NQ-HĐND ngày 11/7/2008
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Nội dung thu lệ phí	Mức thu (đồng) cho mỗi trường hợp
01	Cấp lại bản chính giấy khai sinh	8.000
02	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	3.000/01 bản sao
03	Đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính	25.000
04	Xác nhận các giấy tờ hộ tịch	4.000

PHỤ LỤC III**MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH ÁP DỤNG TẠI SỞ TƯ PHÁP***(Kèm theo Nghị quyết số 44/2008/NQ-HĐND ngày 11/7/2008**của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Nội dung thu lệ phí	Mức thu (đồng) cho mỗi trường hợp
01	Đăng ký kết hôn	1.000.000
02	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.000.000
03	Nuôi con nuôi	
	- Đăng ký việc nuôi con nuôi	2.000.000
	- Đăng ký lại việc nuôi con nuôi	2.000.000
04	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	5.000/01 bản sao
05	Cấp lại bản chính giấy khai sinh	10.000
06	Đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính	25.000
07	Ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	50.000
08	Xác nhận các giấy tờ hộ tịch	10.000